

Bản án số: 163/2025/DS-PT  
Ngày: 06 - 3 -2025  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài  
sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết Linh**

**Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt**

**Bà Nguyễn Ái Đoan**

- **Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 02 và ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 682/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 343/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 774/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ông Lê Văn H**, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Số G, tổ C, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Tấn T – Công ty L và Công sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Số A, đường T, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

**Bị đơn: Ông Ngô Văn M**, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Đ, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C,

tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

2. Anh **Cao Văn V**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

3. Ông **Lê Văn T3**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Lê Văn H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:* Ông và ông Ngô Văn M quen biết nhau do lúc ông buôn bán ở chợ R thuộc xã T. Khi đó ông M là phó công an xã T. Nay ông M đã nghỉ việc. Do có nhu cầu vay tiền để mua bán kinh doanh và trả nợ ngân hàng nên ông M có vay của ông các khoản tiền sau:

- Ngày 22/5/2015 ông M vay của ông số tiền 80.000.000đồng. Thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Tuy nhiên ông M xin chuyển qua vay tháng. Ông M trả lãi được 06 tháng rồi ngưng đóng lãi.

- Ngày 06/9/2015 ông M vay của ông 600.000.000đồng lãi suất 1%/tháng thời hạn vay 05 ngày kể từ ngày vay. Tuy nhiên ông M chuyển qua vay tiền tháng và đóng lãi đến cuối năm 2018 thì ngưng đóng lãi.

- Ngày 16/10/2017 ông M vay của ông số tiền 200.000.000đồng lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Ông M đóng lãi đến cuối năm 2018 thì ngưng đóng lãi.

- Ngày 16/10/2018 ông M vay của ông số tiền 110.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày vay. Ông M đóng lãi đến cuối năm 2018 thì ngưng đóng lãi.

- Ngày 03/10/2018 ông M vay của ông số tiền 150.000.000đồng. Hình thức vay tiền là ông M sẽ trả tiền lãi cho ông hưởng mỗi mét khối cát là 1.000đồng. Tuy nhiên ông M không trả lãi cũng không trả vốn.

Tổng số tiền mà ông M vay của ông là 1.140.000.000đồng. Từ cuối tháng 12 năm 2018 đến nay ông M không trả vốn, không trả lãi.

Ông đã nhiều lần đến nhà ông M yêu cầu trả tiền vay thì ông M hứa hẹn nhưng không trả. Năm 2020 ông đến nhà ông M đòi nợ thì ông M kêu người lạ đánh ông. Vụ việc đã được ông báo Công an xã T, huyện C nhưng không được giải quyết. Thời gian năm 2023 và năm 2024 ông có đến nhà ông M yêu cầu trả nợ nhưng ông M cố tình không trả.

Nay ông H yêu cầu ông M phải trả cho ông số tiền vay tổng cộng là 1.140.000.000đồng và tiền lãi 1%/tháng từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 3 năm 2024 thành tiền là 706.800.000đồng. Đồng thời tiếp tục tính lãi trên số tiền gốc với lãi suất 1%/tháng từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử.

*Bị đơn ông Ngô Văn M do ông Trần Văn T1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:* Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phía bị đơn đã trả xong nợ cho nguyên đơn. Phía bị đơn không đồng ý trả lãi. Phía bị đơn thừa nhận Biên nhận ngày 06/9/2015, Biên nhận nợ ngày 22/5/2015, Giấy biên nhận ngày 16/10/2017, Giấy biên nhận ngày 26/10/2018 là chữ ký và chữ viết của ông M. Riêng tờ Phụ chú ngày 03/10/2018 là giấy xác nhận việc ông M đồng ý cho ông H dùng vốn làm ăn chứ không phải là biên nhận có nhận 150.000.000đồng. Ông M xác định Biên nhận ngày 06/9/2015 phía ông H tự ý sửa từ “mượn” sang từ “vay” chưa được sự đồng ý và ký xác nhận của ông M. Phía bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của Lê Quốc B (Trần Quốc B1).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 343/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 26, 35, 147, 229, 235, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469 và 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc yêu cầu ông Ngô Văn M trả số tiền 1.922.040.000đồng (Trong đó tiền vay 1.140.000.000đồng và tiền lãi (1%/tháng) tính đến ngày xét xử là 782.040.000đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/10/2024, nguyên đơn Lê Văn H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa Phúc thẩm xét xử theo hướng, buộc ông Ngô Văn M phải trả cho ông số tiền 1.140.000.000 đồng và tiền lãi là 773.300.000 đồng. Tổng cộng là 1.913.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần nội dung kháng cáo là yêu cầu ông Ngô Văn M trả số tiền vốn còn lại là 1.090.000.000đồng và tiền lãi 1%/ tháng tính từ ngày 31/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 739.380.000đồng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Lê Thị Thanh T4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan trong vụ án, vì trong biên nhận ngày 20/01/2020 bà T4 là người trả số tiền 880.000.000đồng, tòa án không đối chất giữa ông H và ông M để làm rõ số tiền mà ông M đã trả. Các biên nhận ngày 19/11/2019, ngày 31/11/2019, ngày 05/12/2019 và ngày 17/12/2019 là có trước ngày ông H làm giấy ủy quyền, giấy ủy quyền của ông H không phù hợp với qui định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, buộc ông M trả số tiền vốn 1.090.000.000đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng từ ngày 31/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 739.383.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Theo biên nhận ngày 20/01/2020 Lê Quốc B, sinh năm 1985 (C) địa chỉ tổ C, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang “Tôi có nhận thêm tiền của ông M trả cho chú H theo giấy ủy quyền ngày 19/12/2019, do vợ ông M là Lê Thị Thanh T4 giao 04 lần, ngày 05/12/2019 số tiền 300.000.000đồng, ngày 17/12/2019 số tiền 250.000.000đồng, ngày 3/1/2020 số tiền 180.000.000đồng, ngày 20/01/2020 số tiền 150.000.000đồng. Tổng cộng 880.000.000đồng”. Theo giấy ủy quyền ngày 19/12/2019 người được ủy quyền là Lê Quốc B còn người ký tên bên được ủy quyền là Trần Quốc B2, tòa án chưa xác minh làm rõ Lê Quốc B và Trần Quốc B2 có phải là một người hay không. Về số tiền 880.000.000đồng mà bà T4 trả cho B2 theo biên nhận ngày 20/01/2020 Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa tiến hành đối chất làm rõ vì theo lời trình bày của ông H chưa nhận số tiền trả từ ông M. Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm Điều 68, Điều 73, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ và phù hợp.

Đơn kháng cáo của ông Lê Văn H làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn M trả số tiền vốn vay là 1.140.000.000đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 1%/tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 782.040.000đồng. Ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, ông H không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 22/5/2015, ông M có viết “Biên nhận nợ” vay của ông H số tiền là 80.000.000đồng, thời gian là 10 ngày, ngày 06/9/2015 ông M viết “Biên nhận” vay của ông H số tiền là 600.000.000đồng, thời gian là 05 ngày lý do là đáo hạn ngân hàng, ngày 16/10/2017 ông M viết “Giấy biên nhận” có nhận của ông H số

tiền là 200.000.000đồng, không thỏa thuận thời gian, ngày 26/10/2018 ông M viết “Giấy biên nhận” có nhận của ông H số tiền là 110.000.000đồng, không thỏa thuận thời gian. Các lần vay trên không thỏa thuận lãi suất. Ngày 03/10/2018, ông M viết bản phụ chú với nội dung đồng ý cho ông H góp vốn vào thi công san lấp mặt bằng, với tổng số tiền ông H góp vốn là 150.000.000đồng và ông M đã nhận đủ. Người đại diện theo ủy quyền của ông M thừa nhận chữ viết và chữ ký trên các biên nhận trên là của ông M.

[4] Theo ông H trình bày, tất cả những khoản tiền trên là ông cho ông M vay với lãi suất 1%/tháng nhưng ông M không thực hiện việc trả vốn và lãi cho ông. Người đại diện theo ủy quyền của ông M thừa nhận ông M có vay tiền của ông H theo các giấy biên nhận trên, riêng đối với tờ phụ chú ngày 03/10/2018 không phải là tiền vay mà là việc ông Minh xác N ông H có hùn vốn làm ăn với ông M. Ông M đã trả hết cho ông H các khoản tiền trên thông qua Lê Quốc B theo giấy ủy quyền ngày 19/12/2019.

[5] Nhận thấy tại “Giấy ủy quyền” ngày 19/12/2019 thể hiện bên ủy quyền là ông Lê Văn H, bên được ủy quyền là Lê Quốc B, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ C, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nội dung ủy quyền “Ông Lê Quốc B là cháu vợ của tôi, cùng đi có mặt với ông H để đòi tiền ông Ngô Văn M thiếu ông H (và cháu Bảo toàn Q đòi tiền ông M) đến khi ông M trả đủ tiền vốn và lãi đủ cho ông H, tính thỏa thuận vay xong để nhận lại biên nhận vay thì ủy quyền kết thúc và hết hiệu lực”. Tuy nhiên bên người được ủy quyền lại ký và ghi tên Trần Quốc B2. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh làm rõ “Lê Quốc B” mà ông H ủy quyền và “Trần Quốc B2” bên được ủy quyền trong giấy ủy quyền có phải là một người hay không?.

[6] Tại “Biên nhận tiền” ngày 20/01/2020 thể hiện bà Lê Thị Thanh T4 là vợ của ông M đã 04 lần trả tiền cho ông H thông qua Lê Quốc B (C) theo giấy ủy quyền ngày 19/12/2019 với tổng số tiền là 880.000.000đồng nhưng ông H không thừa nhận, cấp sơ thẩm cũng không đưa bà T4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền trên. Hơn nữa theo nội dung biên nhận là nhận tiền của ông M trả cho ông H theo giấy ủy quyền ngày 19/12/2019 nhưng trong đó bà T4 trả hai khoản tiền là ngày 05/12/2019 số tiền 300.000.000đồng, ngày 17/12/2019 số tiền là 250.000.000đồng, số tiền này được trả trước ngày ông H ủy quyền cho Lê Quốc B cấp sơ thẩm cũng không cho đối chất để làm rõ. Ngoài ra ông M còn cho rằng ông trả cho ông H số tiền 260.000.000đồng thể hiện biên nhận ngày 19/11/2019 với số tiền 160.000.000đồng do Lê Quốc B ký nhận và biên nhận ngày 31/11/2019 với số tiền 100.000.000đồng do Lê Quốc B ký nhận, ông H không

thừa nhận hai khoản tiền này và ông cho rằng tháng 11 năm 2019 không có ngày 31. Nhận thấy hai khoản tiền này cũng được trả trước ngày ông H làm ủy quyền cho Lê Quốc B nhưng cấp sơ thẩm cũng không điều tra làm rõ mà lại không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là chưa đánh giá chứng cứ một cách khách quan và toàn diện.

Từ những phân tích trên, nhận thấy những vi phạm của tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, để đảm bảo hai cấp xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết hủy án sơ thẩm để cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Do án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H cũng như lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 343/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ ngày 06/3/2025 có mặt ông H vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của ông M và luật sư.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Tuyết Linh**

